

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN REINDEER LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN REINDEER LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: REINDEER LAND REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109943468

**3. Ngày thành lập:** 24/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Kim Bông, Xã Tân Xã, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969623938

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                            | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                            | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                       | 4390        |
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động quản lý nhà, chung cư<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                      | 6810(Chính) |
| 6.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản<br>(Trừ hoạt động đấu giá bất động sản)   | 6820        |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                  | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: - Khách sạn                                                                                                                   | 5510 |
| 10. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                | 5610 |
| 11. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                 | 5629 |
| 12. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                       | 7911 |
| 13. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                | 7912 |
| 14. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                  | 7990 |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                    | 4101 |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                              | 4102 |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                        | 4211 |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                         | 4212 |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                  | 4222 |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                   | 4223 |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                    | 4229 |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật | 4299 |
| 23. | Phá dỡ<br>(Trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                     | 4311 |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                          | 4312 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRINH THỊ<br>THỦY  | Thôn Định Cư<br>Tây, Xã Đông<br>Trà, Huyện Tiên<br>Hải, Tỉnh Thái<br>Bình, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 25,000       | 151931861                                                                                                              |            |
|     |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VƯƠNG VĂN<br>DOANH | Thôn Yên Mỹ, Xã<br>Bình Yên, Huyện<br>Thạch Thất,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 25,000       | 0010920224<br>73                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                                    |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | CÁN VĂN VINH    | Khu Đoàn Kết, Xã Cấn Hữu, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông         | 250.000 | 2.500.000.000 | 25,000 | 001094031207 |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                    | Tổng số                   | 250.000 | 2.500.000.000 | 25,000 |              |
|   |                 |                                                                                                    |                           |         |               |        |              |
| 4 | NGUYỄN VĂN HIỆP | Tổ Dân Phố 2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 250.000 | 2.500.000.000 | 25,000 | 024087022334 |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                    | Tổng số                   | 250.000 | 2.500.000.000 | 25,000 |              |
|   |                 |                                                                                                    |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024087022334

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ Dân Phố 2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ Dân Phố 2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội